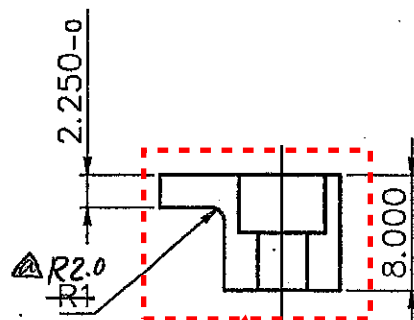
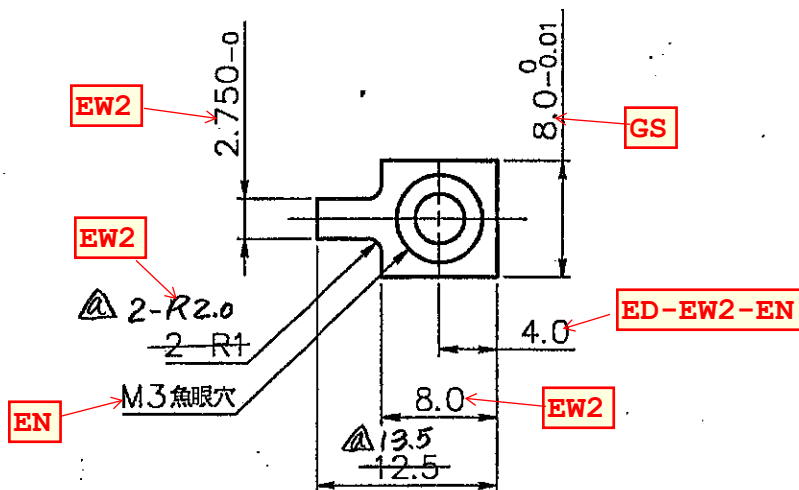


REV

9/16

圖號	Rev	修 改	備 註	擔 當
△	02	5.8	折斷及弱刃物碰撞対策, 圖番AA→AB	曾中熙

金 型 加 工 公 差 表 示			
0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰	+0 -0.005
0.000	±0.005	0.000-0	+0.005 -0
0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰	+0 -0.01
0.0	±0.1	0.00-0	+0.01 -0
0.	±0.2	0.0 ⁺⁰	+0 -0.1
		0.0-0	+0.1 -0
圖面上有公差表示時, 以圖面公差優先			



EW cắt biên dạng này chứa 0.01 cho GS

414.1070421

新圖番號 S435411

沖頭

部 品 名		材 質	數 量	設 備 名 稱		
沖子		WC(D30/HIP)	1	橫通風孔切起模具本體		
熱 處 理	表 面 處 理	檢 圖	設 計	製 圖	日 期	共通部番號
燒入 HRC 燒灰		曾中熙	劉安昌	劉安昌	1999/05/01	1-005
尺 度	第三圖面	圖面番號				訂正 REV
2:1 (/)	角法	TM14-007T-00-1-005-AA-AB				a

F:\3207\OTHER\TM14007T.AA\1-005-AA

華洲電機工業股份有限公司 V.2

SNO: **S435411**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T9*9*15	EW1:90 ED:10 GS:60 EW2:60 EN:60 KT